

Biểu mẫu 09
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT TIỂU LA

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Trung học phổ thông Tiểu La

Năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
I	Điều kiện tuyển sinh	415 - HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã Bình Quý, Bình Giang, Bình Nguyên, Bình Phục và Thị trấn Hà Lam của huyện Thăng Bình. - Tham gia xét tuyển + phân tuyển vào lớp 10 THPT do Sở GDĐT Quảng Nam tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường.	422 - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã Bình Quý, Bình Giang, Bình Nguyên, Bình Thị trấn Hà Lam của huyện Thăng Bình. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	422 - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã Bình Quý, Bình Giang, Bình Nguyên, Bình Phục và Thị trấn Hà Lam của huyện Thăng Bình. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GDĐT Quảng Nam.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt	- Học sinh tham gia hoạt động Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường.			

	của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (hội khỏe phù đồng,...). 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu trên 85% lên lớp thẳng và 90% tốt nghiệp THPT. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS. 			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 85%. - Duy trì sĩ số 99% trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 95%. - Duy trì sĩ số 99% trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 95%. - Duy trì sĩ số 99% trở lên - Tỷ lệ tốt nghiệp THPT 90% trở lên. 	

Thăng Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Cao Vân

Biểu mẫu 10
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT TIỂU LA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
Trung học phổ thông Tiểu La
Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1124 (89.3%)	375 (90.4%)	365 (86.5%)	384 (91.0%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	132 (10.5%)	39 (9.4%)	55 (13.0%)	38 (9.0%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.2%)	01 (0.2%)	01 (0.2%)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.1%)	0	01 (0.2%)	0	
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	338 (26.84%)	112 (27.0%)	116 (27.5%)	110 (26.1%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	603 (47.9%)	179 (43.1%)	165 (39.1%)	259 (61.4%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	297 (23.6%)	115 (27.7%)	129 (30.6%)	53 (12.6%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1.6%)	09 (2.2%)	11 (2.6%)	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1258 (99.92%)	414 (99.76%)	422 (100%)	422 (100%)	

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	336 (26.68%)	111 (26.74%)	116 (27.5%)	109 (25.82%)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	605 (48.05%)	181 (43.61%)	165 (39.09%)	259 (61.37%)	
2	Thi lại + Rèn luyện trong hè (tỷ lệ so với tổng số)	21 (1.67%)	09 (2.17%)	12 (2.84%)	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.07%)	01 (0.24%)	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0.24%) (Chuyển đến)	01 (0.24%)	01 (0.23%)	01 (0.23%)	
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0.03%)	07 (1.65%)	0	1 (0.23%)	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25			25	
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	K12: 25 K11: 0 K10: 0	Không thi Olympic	Không thi Olympic	25 (10 Nhì, 08 Ba, 07 KK) Nhất toàn đoàn bộ môn Tin học; vị thứ Ba toàn đoàn bộ môn Sinh học	
		TNTH: Không thi				
		KHKT: Không thi				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	422			419	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	422			419	

1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	518/741	175/240	170/252	173/249	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	

Thăng Bình, ngày 20 tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Cao Vân